

Vai trò của ngư dân đối với vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển hiện nay

Phạm Thị Trâm*, Lê Văn Hà**, Vương Tấn Công***

Nhận ngày 4 tháng 7 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 10 năm 2021.

Tóm tắt: Các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển như: an ninh môi trường (biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường biển, cạn kiệt nguồn lợi hải sản), buôn lậu, ma túy... đã nổi lên như là những vấn đề chính đe dọa an ninh quốc gia bên cạnh vấn đề an ninh truyền thống. Với số lượng đông đảo, hoạt động trên nhiều vùng biển, cộng đồng ngư dân ở nước ta đóng vai trò như một lực lượng hỗ trợ cho các lực lượng chính quy trong xử lý và giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống trên vùng biển nước ta. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết phân tích, làm rõ thực trạng vai trò của ngư dân đối với vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm phát huy hơn nữa vai trò của ngư dân trong các vấn đề: thích ứng với biến đổi khí hậu, tham gia bảo vệ môi trường biển và nguồn lợi từ biển.

Từ khóa: Ngư dân, vai trò, an ninh phi truyền thống, trên biển.

Phân loại ngành: Địa lí học

Abstract: Non-traditional security issues at sea such as environmental security (climate change, marine pollution, depletion of seafood resources), smuggling, drugs, have emerged as the main threat to national security beside the traditional security issues. With a large number and operating in many seas, the fishing community in our country may act as a support force for regular forces in handling and solving non-traditional security challenges in our seas. From the research results, the article analyses and clarifies the status of the role of fishermen in non-traditional security issues at sea, thereby proposing some recommendations to further promote the role of fishermen in issues of adapting to climate change, participating in the protection of the marine environment and marine resources.

Keyword: Fishermen, role, non-traditional security, at sea.

Subject classification: Geography

*, ** Viện Địa lí nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: trampham.iesd@gmail.com; levanhakhxh@gmail.com

*** Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

An ninh phi truyền thống là một thuật ngữ dùng để chỉ các vấn đề, yếu tố an ninh phi quân sự, chính trị đối với một quốc gia hoặc cá nhân (Naval, 2015; Lê Văn Cương, 2008). Các vấn đề an ninh phi truyền thống thường được các học giả nhận diện gồm: an ninh mạng; tội phạm xuyên quốc gia; an ninh tài chính - tiền tệ; an ninh năng lượng; an ninh lương thực; an ninh môi trường (thảm họa thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước); dịch bệnh. Trong đó, một số vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển như: biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn lợi hải sản, ô nhiễm môi trường biển, buôn lậu, buôn bán người và buôn bán ma túy, đánh cá bất hợp pháp... đã nổi lên như là vấn đề chính đe dọa an ninh quốc gia bên cạnh vấn đề an ninh truyền thống (tranh chấp chủ quyền biển đảo) (Nguyễn Chu Hồi, 2014; Võ Xuân Vinh và cộng sự, 2020).

Trước các thách thức an ninh phi truyền thống trên biển ngày càng tăng, các quốc gia có biển đều nhấn mạnh tới xây dựng chiến lược và chính sách an ninh biển quốc gia để giải quyết các thách thức này. Các tiếp cận chủ yếu đối với vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển được các chính phủ và học giả phương Tây đề cập tới như tăng cường sức mạnh cho các lực lượng chính thức (hải quân, kiểm ngư, cảnh sát biển), các tác nhân phi nhà nước (tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp), tăng cường hợp tác giữa các quốc gia và tăng cường luật hóa một số vấn đề an ninh phi truyền thống (hành sự hóa hoạt động đánh cá bất hợp pháp), chưa nhấn mạnh hoặc ít chú ý tới ngư dân với vai trò “chủ thể” quan trọng trong ngăn ngừa, hỗ trợ nhằm giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển.

Ở nước ta, với quan điểm và phương châm nhất quán về nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định và nhấn mạnh việc xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn dân vững chắc, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để khẳng định và bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của đất nước, trong đó ngư dân đóng vai trò quan trọng^{1,2}.

Thực tiễn trong xử lý và ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống trên biển thời gian gần đây cho thấy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta hoàn toàn đúng đắn. Sự sát cánh và đồng hành của cộng đồng ngư dân Việt Nam với lực lượng kiểm ngư, cảnh sát biển Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo đã tạo điều kiện được thực hiện tốt trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, vai trò của ngư dân trong các vấn đề an ninh phi truyền thống như: bảo vệ môi trường, tham gia quản lý tài nguyên biển, ngăn chặn các nguy cơ, rủi ro an ninh phi truyền thống trên biển không phải lúc nào cũng phát huy tốt.

Cộng đồng ngư dân Việt Nam với số lượng đông đảo, phương tiện đánh bắt được trang bị tương đối hiện đại có thể thực thi tốt hơn vai trò trong các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển nhằm hỗ trợ các lực lượng chức năng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển, từ ngăn chặn nạn đánh bắt bất hợp pháp, khai thác tận diệt, bảo vệ và khôi phục môi trường biển, cứu nạn trên biển, chống buôn lậu và xâm nhập trái phép, cho tới thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng. Do đó, mục tiêu của bài viết này nhằm làm rõ vai trò của ngư

¹ Mục 4, Điều 4 trong Luật Biên phòng Việt Nam, Luật số 66/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020.

² Điều 1, Luật An ninh quốc gia năm 2004.

dân Việt Nam hiện nay đối với vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển và từ đó, kiến nghị một số các biện pháp phát huy hơn nữa vai trò của ngư dân đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng số liệu từ nguồn niên giám thống kê, số liệu điều tra từ các đề tài nghiên cứu đã công bố và số liệu, dữ liệu, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả đã tiến hành trong giai đoạn 2015 - 2020 tại một số địa phương thuộc vùng Nam Trung Bộ (thành phố Đà Nẵng; huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận).

Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp để làm rõ các quan niệm và nội dung về an ninh phi truyền thống trên biển. Phương pháp thống kê và so sánh được sử dụng để xác định đặc điểm cộng đồng ngư dân và vai trò của ngư dân trong các vấn đề an ninh phi truyền thống thông qua các hoạt động đánh bắt thủy hải sản và đi biển. Ngoài ra, các thông tin thu thập từ các cuộc khảo sát thực địa của nhóm tác giả cũng góp phần làm sáng tỏ những đóng góp của ngư dân trong việc giải quyết các thách thức về an ninh phi truyền thống trên biển hiện nay.

3. Quan điểm và nhận diện các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển

Hiện nay có nhiều quan điểm, cách tiếp cận khác nhau trong diễn giải về khái niệm an ninh phi truyền thống nhưng tựu chung lại, các học giả cho rằng, an ninh phi truyền thống dùng để chỉ những nhân tố hoặc thách thức phi quân sự đe dọa đối với an ninh của nhà nước, của người dân và nó trở thành yếu tố ưu tiên trong chính sách an ninh của quốc gia, khu vực và quốc tế (Naval, 2015). Phạm vi của an ninh phi truyền thống thường đề cập tới rất nhiều yếu tố như: an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh tài chính, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, đánh bắt cá bất hợp pháp... Quan điểm an ninh phi truyền thống cho rằng, các vấn đề thách thức nêu trên đều có khả năng ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, thậm chí tạo ra và trở thành xung đột quân sự mà các chính phủ có thể bị lôi kéo vào (Võ Xuân Vinh, 2020). Tuy nhiên, các thách thức nêu trên có tầm quan trọng, ảnh hưởng khác nhau đối với mỗi quốc gia.

Tiếp cận an ninh phi truyền thống thường nhận diện các thách thức, mối đe dọa an ninh dựa trên 3 cấp độ (quốc tế, quốc gia, cá nhân) và 3 yếu tố (an ninh, tính ổn định và tính bền vững). Trong đó, an ninh được hiểu như khả năng chống chịu của một hệ thống trước các mối đe dọa, rủi ro. Tính ổn định gắn với việc đảm bảo rằng, các quốc gia được bảo vệ trước bất kỳ thiếu hụt nguồn cung hoặc tăng nhu cầu đối với một loại tài nguyên hoặc được bảo vệ trước tác động của các thách thức. Tính bền vững là khái niệm để kiểm tra khả năng phục hồi, khả năng chống chịu và khả năng duy trì hệ thống trước các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Có thể lấy ví dụ từ hoạt động đánh bắt cá trái phép, gây ô nhiễm môi trường hoặc khai thác quá mức dẫn tới cạn kiệt nguồn lợi hải sản ở mức nghiêm trọng

sẽ dẫn tới mất an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng của quốc gia (Caballero-Anthony, Putra, 2012).

Một nghiên cứu đăng tải trong báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế của Indonesia về tương lai các biển ở vùng Đông Á, Naval (2015) đã nhận diện và lựa chọn 5 vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển Đông Nam Á như: thảm họa thiên nhiên (sóng thần, bão nhiệt đới), cướp biển, các tai nạn và tội phạm trong môi trường biển, tranh chấp tài nguyên và năng lượng, mạng lưới cáp quang và an ninh trên biển. Trong khi, Madanayaka (2015) xem vấn đề đánh bắt cá bất hợp pháp như là vấn đề an ninh phi truyền thống đe dọa an ninh ở Sri Lanka.

Ở Việt Nam, các vấn đề an ninh phi truyền thống đã được Đảng ta nhận diện và nêu ra trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII với các vấn đề được xác định như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, dịch bệnh (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Từ tổng quan tài liệu và thực tiễn trên thế giới trong thời gian vừa qua cho thấy, các vấn đề an ninh phi truyền thống nổi cộm chủ yếu là những vấn đề cấp thiết đang nổi lên hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, biến đổi khí hậu toàn cầu, gồm: cạn kiệt tài nguyên, bùng nổ dân số, suy thoái môi trường sinh thái, xung đột sắc tộc, nghèo đói, dịch bệnh, tội phạm rửa tiền, an ninh mạng. Xét trên phương diện cá nhân - an ninh con người, một số vấn đề an ninh phi truyền thống quan trọng có thể đe dọa sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần của con người, như đại dịch (Covid-19), buôn bán ma túy, buôn bán người (trẻ em, phụ nữ, nhập cư bất hợp pháp). Trên phương diện an ninh cộng đồng và cao hơn là an ninh quốc gia, các vấn đề an ninh phi truyền thống thường xuất hiện từ các mối đe dọa của an ninh môi trường, an ninh sinh kế, an ninh năng lượng, thảm họa tự nhiên, đánh cá bất hợp pháp và không khai báo, cạn kiệt tài nguyên như: tình trạng khan hiếm lương thực, thiếu hụt và tranh chấp tài nguyên nước và năng lượng, tội phạm công nghệ cao và an ninh mạng, đầu cơ tài chính.

Nhìn chung, các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển hiện nay ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động sâu rộng trong đời sống không chỉ ở một quốc gia mà trở thành vấn đề thách thức an ninh khu vực và toàn cầu. Đứng trước các nguy cơ và thách thức an ninh phi truyền thống trên biển, là một quốc gia ven biển, với đường bờ biển dài hơn 3.260 km và vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 1 triệu km², Đảng và Nhà nước đã xác định, nhận diện một số vấn đề an ninh phi truyền thống, trong đó có an ninh phi truyền thống trên biển. Những vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển Việt Nam đã và đang được nhiều học giả trong nước nhận diện rõ như: cạn kiệt nguồn hải sản, ô nhiễm môi trường biển, biến đổi khí hậu, thảm họa trên biển, buôn lậu, đánh bắt hải sản trái phép, buôn bán người, cướp biển, nạn khủng bố, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, xuất nhập cư trái phép; buôn lậu, gian lận thương mại trên biển (Nguyễn Chu Hồi, 2014; Võ Xuân Vinh, 2020). Gần đây, các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển có xu hướng gia tăng và đang tạo ra thách thức mới đối với tính vững chắc của an ninh biển và sự ổn định của khu vực, đe dọa đến sự phát triển của quốc gia.

Quan điểm của Đảng ta luôn khẳng định và nhấn mạnh việc xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn dân vững chắc, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để khẳng định và bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của đất nước, trong đó ngư dân sẽ là lực lượng đóng

vai trò quan trọng trên mặt trận bảo đảm an ninh trên biển. Vai trò của cộng đồng nói chung và cộng đồng ngư dân trong quản lý, bảo vệ môi trường, quản lý nguồn lợi hải sản, trong bảo vệ an ninh và quốc phòng cũng được Nhà nước ta luật hóa trong các Luật liên quan như Luật An ninh quốc gia 2004, Luật Biên phòng 2020, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Thủy sản...

4. Đặc điểm và vai trò của ngư dân Việt Nam trong các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển

4.1. Đặc điểm

Cộng đồng ngư dân Việt Nam là khái niệm dùng để chỉ một tập hợp của các nhóm dân cư với phương thức sống chủ yếu dựa vào đánh bắt thủy sản. Tuy nhiên, do khác biệt trong hoạt động khai thác, kỹ thuật và công cụ khai thác, vị trí khai thác, cộng đồng ngư dân Việt Nam thường được phân thành các bộ phận như ngư dân đánh cá nước ngọt trên sông, ngư dân thủy cư đánh cá nước lợ ở các cửa sông và các vùng đầm phá, ngư dân bãi ngang, ngư dân thủy cư ở các Vịnh, cộng đồng ngư dân sống trên các đảo, cộng đồng ngư dân đánh cá trên các hồ thủy điện hoặc hồ tự nhiên (Nguyễn Duy Thiệu, 2002).

Một số tài liệu học thuật công bố gần đây cho rằng, ngư dân Việt Nam chủ yếu có truyền thống cận duyên (Ngô Đức Thịnh, 2010), họ là bộ phận của cư dân nông nghiệp không có đất và chuyển sang đánh bắt thủy sản, số lượng tương đối nhỏ. Theo thống kê, cho đến đầu năm 2000, cộng đồng ngư dân Việt Nam mới có khoảng 550 nghìn người, trong đó 450 nghìn người đánh cá biển và khoảng 100 nghìn người đánh bắt cá trên sông (Nguyễn Duy Thiệu, 2002).

Từ năm 2000 đến nay, số lượng ngư dân đánh bắt hải sản trên biển đã tăng lên nhanh cả về số lượng, chất lượng, phương tiện đánh bắt, kỹ thuật nuôi trồng và khai thác. Tính đến nay, có hơn 2,5 triệu ngư dân, trong đó, lực lượng trực tiếp đánh bắt hải sản trên biển khoảng 850 nghìn người và hằng năm, số lượng ngư dân được bổ sung thêm từ 18 nghìn đến 20 nghìn người (Báo quốc tế, 2016). Tuy nhiên, chất lượng lao động khai thác hải sản vẫn còn khá thấp. Kết quả khảo sát cộng đồng ngư dân ở vùng Nam Trung Bộ của Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2020) cho thấy, có 87,8% lao động chưa qua đào tạo, 4,15% có chứng chỉ đào tạo và 1,53% có trình độ từ trung cấp và chuyên nghiệp trở lên (Tổng cục Thống kê, 2017). Trong đó, bình quân trình độ những ngư dân được điều tra chỉ học hết lớp 9 và gặp khó khăn trong tiếp cận với công nghệ, máy móc hiện đại và luật pháp quốc tế về nghề cá. Kết quả nghiên cứu của Lê Văn Hà (2019) đối với nhóm ngư dân ở xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận cho thấy, tỷ lệ không biết chữ ở nhóm ngư dân cao hơn nhiều so với nhóm khác.

Về phương tiện đánh bắt: theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2017, cả nước có hơn 128 nghìn tàu, thuyền các loại thường xuyên hoạt động khai thác và làm dịch vụ hậu cần nghề cá trên ngư trường truyền thống (trong đó với khoảng hơn 35.382 nghìn tàu khai thác thủy sản có công suất từ 90 CV trở lên) (Tổng cục Thống kê, 2017; Hồng Lâm, Văn Bảy, Hoàng Trường, 2014). Trong khi đó, số tàu đánh bắt trên đầm/phá là 2.386 tàu, đánh bắt vùng biển ven bờ là 44.839 tàu, vùng lộng là 21.240 tàu, nhưng số lượng tàu

đánh cá vùng khơi và vùng biển cả còn khá thấp, tương ứng là 20.978 tàu và 2.879 tàu (Tổng cục Thống kê, 2017).

Bảng 1: Số lượng tàu, thuyền đánh bắt thủy sản có động cơ của hộ thủy sản phân theo phạm vi khai thác và vùng biển

		Đơn vị: chiếc							
	Tổng số	Phạm vi đánh bắt							
		Sông	Hồ	Đầm/ phá	Vùng biển ven bờ	Vùng lộng	Vùng khơi	Vùng biển cả	Vùng khác
Toàn quốc	116.094	18.987	2.386	4.430	44.839	21.240	20.978	2.879	296
Đồng bằng sông Hồng	13.967	1.817	41	24	8.882	1.545	1.476	162	20
Trung du miền núi phía bắc	1.512	1.165	345	2	0	0	0	0	0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	62.245	5.301	156	4.323	21.389	16.008	13.020	1.971	50
Đông Nam Bộ	8.625	1.922	1.740	50	2.249	549	1.736	366	9
Đồng bằng sông Cửu Long	29.655	8.746	50	31	12.319	3.138	4.746	380	217

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2017

Kết quả nghiên cứu gần đây về đội tàu đánh bắt xa bờ cho thấy, các công nghệ đánh bắt xa bờ của ngư dân vùng Duyên hải Nam Trung Bộ được đầu tư và cải thiện đáng kể, 100% các tàu xa bờ đã được trang bị đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc (máy định vị, máy bộ đàm liên lạc), một số tàu được trang bị máy tầm ngư. Tuy nhiên, nhìn chung, công nghệ đánh bắt của các tàu đánh bắt xa bờ của ngư dân vẫn lạc hậu hơn so với các tàu cá của ngư dân Trung Quốc và một số nước trong khu vực, thâm dụng lao động là chủ yếu (Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự, 2020).

Văn hóa, kinh nghiệm đi biển: cộng đồng ngư dân Việt Nam trải qua quá trình phát triển, tương tác lâu dài với biển cả và hệ sinh thái biển nên tích lũy, hình thành nhiều kiến thức và kinh nghiệm đi biển như dự báo thời tiết, kinh nghiệm về các luồng cá, kinh nghiệm các dòng hải lưu và kinh nghiệm phong phú về các loài sinh vật cũng như hình thành nét văn hóa, tín ngưỡng mang sắc thái bảo vệ môi trường biển (tục thờ cá ông, không săn bắt cá voi và tục lệ kiêng cử đánh bắt khác). Tất cả các kiến thức và kinh nghiệm này được trao truyền và được làm phong phú thêm qua các thế hệ ngư dân, có thể kết hợp với các tri thức và công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả đánh bắt và thích ứng với

môi trường biển ngày càng thay đổi. Cộng đồng ngư dân Việt Nam có tính cố kết cộng đồng tương đối cao, họ thường cộng cư, cố kết thành các cộng đồng dân cư nhỏ (làng, vạ chài...) ở gần cửa sông, đầm phá, vũng, vịnh và dọc bờ biển (Nguyễn Duy Thiệu, 2002).

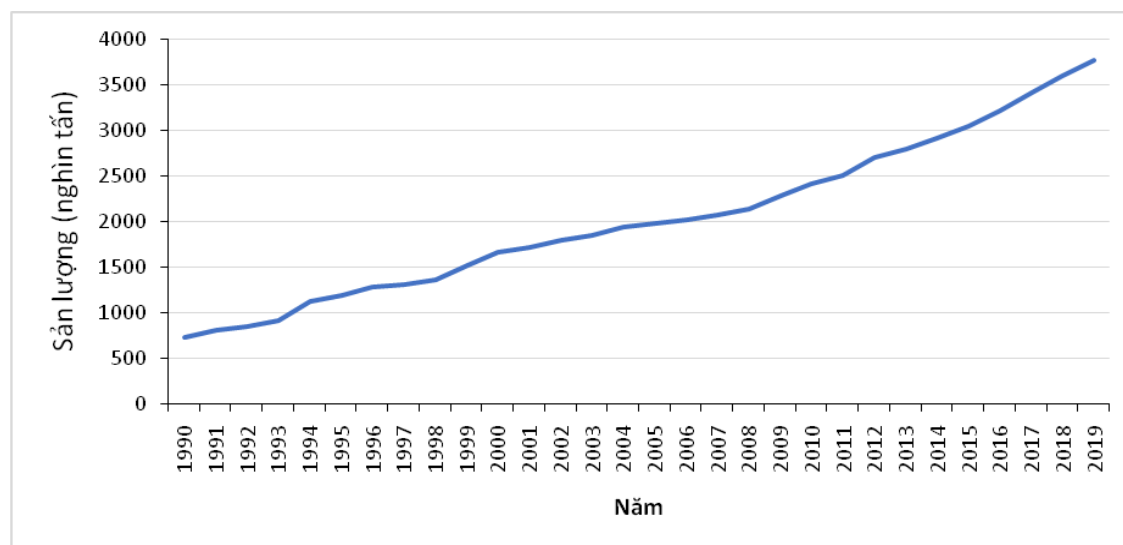
4.2. Vai trò của ngư dân trong vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển hiện nay

Cộng đồng ngư dân Việt Nam với số lượng đông đảo, hoạt động hầu như trên tất cả các vùng biển Việt Nam, được trang bị phương tiện đánh bắt ngày càng hiện đại, giúp mở rộng dần địa bàn đánh bắt ra các vùng biển xa bờ và đại dương. Có thể thấy rằng, sự phát triển của cộng đồng ngư dân Việt Nam nói chung và ngư dân đánh bắt xa bờ nói riêng không chỉ khẳng định vai trò chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc như đã được khẳng định bởi nhiều nghiên cứu trong nước, mà còn đóng vai trò quan trọng trong giải quyết và hóa giải các thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay như: đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng, an ninh sinh kế; tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, kiểm soát ô nhiễm và khôi phục hệ sinh thái biển; thích ứng với biến đổi khí hậu; tham gia giám sát và chống đánh bắt cá trái phép, chống buôn lậu và buôn bán người trên biển...

4.2.1. Đảm bảo an ninh lương thực, dinh dưỡng và sinh kế

Hải sản không chỉ là nguồn dinh dưỡng quan trọng cung cấp cho các bữa ăn của người Việt, mà còn là nguồn lợi có giá trị trong xuất khẩu. Theo FAO (2020), tính đến năm 2018, sản lượng hải sản đánh bắt của Việt Nam đạt 3,19 triệu tấn, chiếm khoảng 4% sản lượng đánh bắt hải sản của thế giới. Sản lượng đánh bắt thủy sản của nước ta gia tăng liên tục trong suốt giai đoạn từ năm 1990 đến nay với mức tăng thêm 2,25 triệu tấn so với những năm 1990 (Hình 1).

Hình 1. Sản lượng đánh bắt thủy sản Việt Nam giai đoạn 1990 - 2019



Nguồn: FAO, 2020

Cũng theo FAO, lượng tiêu thụ protein từ cá trung bình năm của một người Việt Nam giai đoạn 1991 - 1993 khoảng hơn 13,4 kg/năm và lượng tiêu thụ cá của người Việt tiếp tục tăng lên (FAO, 1994).

Theo báo cáo của Chính phủ, các ngành kinh tế biển nước ta hằng năm đóng góp khoảng 49% GDP cả nước, riêng khai thác hải sản khoảng 14% (trong các ngành kinh tế biển) và là kinh tế mũi nhọn góp phần vào sự phát triển của đất nước trong thời gian vừa qua. Như vậy, có thể khẳng định rằng, ngư dân Việt Nam có vai trò rất quan trọng không chỉ trong đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng, mà còn tạo ra việc làm và thu nhập cho lao động trong chuỗi giá trị thủy sản, đóng góp lớn cho thu nhập quốc gia. Biển cả là nguồn sống của hàng triệu ngư dân ven biển, nguồn lợi hải sản từ biển mang lại công ăn việc làm và thu nhập cho hàng triệu hộ gia đình ngư dân và các lao động liên quan khác. Ngành hải sản và ngư dân đóng vai trò lớn đối với nền kinh tế của nước ta.

Theo số liệu thống kê, tính đến năm 2019, tổng sản lượng khai thác hải sản nước ta trong những năm gần đây tăng lên 3,6 triệu tấn và đóng góp 45,68% trong tổng sản lượng hải sản. Trong đó, chỉ một phần không đáng kể thủy sản xuất khẩu đã mang lại cho nước ta giá trị hàng tỷ đô la và đưa nước ta trở thành quốc gia đứng thứ 3 thế giới về chế biến và xuất khẩu thủy sản. Báo cáo của Tổng cục Thủy sản, kim ngạch xuất khẩu từ hải sản đạt khoảng 8,6 tỷ USD (Thời báo tài chính Việt Nam, 2021). Chính vì hải sản có tầm quan trọng đối với nền kinh tế quốc gia và đời sống, việc làm, sinh kế của hàng triệu lao động nên khi nguồn lợi hải sản suy giảm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của không chỉ ngư dân, mà cả đối vấn đề an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng và an ninh sinh kế của quốc gia. Nếu nguồn lợi hải sản tiếp tục suy giảm, các ngư dân sẽ không thể ra khơi bám biển nữa hoặc nhiều ngư dân sẽ phải chuyển đổi sang lĩnh vực khác cũng sẽ tác động đến các vấn đề an ninh của quốc gia. Do đó, cần phải duy trì số lượng hợp lý và nâng cao chất lượng lao động trong lĩnh vực đánh bắt hải sản để đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng của quốc gia trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực tăng cường năng lực khai thác hải sản trên biển.

4.2.2. Tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, kiểm soát ô nhiễm, khôi phục hệ sinh thái biển và khôi phục nguồn lợi hải sản

Trong bối cảnh các nước ở khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc không chỉ đánh bắt được nhiều mà còn tiêu thụ hải sản nhiều gấp 3 lần so với các khu vực khác, dẫn tới suy giảm nguồn lợi hải sản trên Biển Đông. Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường biển do rác thải nhựa, ô nhiễm biển ven bờ do chất thải từ lục địa thải vào biển cũng được xem là vấn đề “báo động đỏ” và để giải quyết vấn đề này không chỉ cần chính phủ các nước chung tay giải quyết, mà cần sự vào cuộc của cộng đồng ngư dân khai thác hải sản trên biển.

Theo số liệu báo cáo môi trường, Việt Nam là nước có lượng rác thải nhựa xả ra biển nhiều thứ tư thế giới (Kinh tế nông thôn, 2019). Khối lượng rác thải nhựa thải ra biển của Việt Nam dao động từ 0,2 - 0,73 triệu tấn/năm, tương đương 6% tổng lượng rác thải nhựa thải vào biển của thế giới. Tuy nhiên, phần lớn người dân, đặc biệt là nhiều ngư dân

vẫn chưa có ý thức về những nguy hại từ ô nhiễm rác thải nhựa cũng như chưa có những hành động cần thiết để bảo vệ môi trường biển.

Cộng đồng ngư dân Việt Nam là đối tượng trực tiếp tham gia vào khai thác các nguồn lợi trên biển, trực tiếp tác động lên môi trường biển và cũng làm ô nhiễm môi trường, suy thoái nguồn lợi hải sản trên biển trong quá trình khai thác của mình. Các ngư dân thường ít chú ý hoặc bỏ qua các tác hại từ hoạt động khai thác quá mức, khai thác các loài đang có nguy cơ tuyệt chủng, khai thác tận diệt (lưới không phù hợp, sử dụng chất độc, thuốc nổ, kích điện...). Trong khi số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu Hải sản giai đoạn 2011 - 2015 công bố, vùng biển Việt Nam có 1.081 loài hải sản, gồm 881 loài cá, 115 loài giáp xác, 41 loài động vật chân đầu và 44 loài thuộc nhóm khác. Kết quả nghiên cứu đã ước lượng trữ lượng hải sản ước tính trung bình trên toàn vùng biển được điều tra trong giai đoạn 2011 - 2015 là 4,36 triệu tấn. Trong đó, trữ lượng nguồn lợi vùng ven bờ chiếm 12%, vùng lộng chiếm 19% và vùng ngoài khơi chiếm 69%. Hiện nay, sản lượng đánh bắt hải sản của nước ta là hơn 3,6 triệu tấn (gần đạt tới trữ lượng tiềm năng) (Viện Nghiên cứu Hải sản, 2018).

Cũng theo kết quả nghiên cứu này, các loài hải sản, sản lượng cá ở Biển Đông đang giảm mạnh so với đầu thập niên 1950. Một số nguyên nhân được các chuyên gia chỉ ra như khai thác nhiều hơn khả năng cá và các loài hải sản sinh sôi do nhu cầu hải sản cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa ngày càng cao dẫn đến áp lực khai thác tăng cao (bao gồm cả số lượng tàu thuyền, công suất máy, năng lực khai thác, máy móc thiết bị tăng lên); ngư dân sử dụng ngư cụ khai thác có mức độ tận diệt cao, xâm hại nguồn lợi cao (sử dụng lưới kéo đáy, lò bát quái, điện); tình trạng khai thác vào khu vực bãi đẻ, bãi ương, vào mùa sinh sản; sự suy giảm nghiêm trọng của các hệ sinh thái quan trọng như rạn san hô, rừng ngập mặn giảm độ phủ và diện tích so với trước đây do phát triển du lịch, nuôi trồng hải sản.

Trên phương diện lý luận, các tiếp cận quản lý môi trường biển và tài nguyên biển có sự tham gia của người dân, dựa vào cộng đồng hoặc cao hơn là đồng quản lý tài nguyên biển đã được giới thiệu trong nhiều công trình nghiên cứu học thuật. Trên thực tế, các mô hình ngư dân tham gia bảo vệ môi trường biển, tham gia quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển đã được áp dụng và triển khai thành công ở các tỉnh và khu bảo tồn ven biển như: Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Định. Điều này cho thấy rằng, cộng đồng ngư dân Việt Nam đã thể hiện vai trò, tiếng nói ngày càng quan trọng trong vấn đề bảo vệ môi trường biển, tiêu biểu nhất là thông qua việc hình thành các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường hiệu quả ở hầu hết các địa phương ven biển. Sự tham gia của cộng đồng ngư dân trong bảo vệ môi trường biển không chỉ dừng ở việc cung cấp thông tin, phát hiện các dấu hiệu vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, mà ngư dân thể hiện qua hành động cụ thể như tham gia vào tổ bảo vệ các loài hải sản có nguy cơ, tham gia bảo vệ và khôi phục rạn san hô (Cù Lao Chàm), sử dụng các loại ngư cụ đúng theo quy định của nhà nước. Trong đó, thông qua các mô hình, các tổ cộng đồng khai thác thủy sản, tổ cộng đồng bảo vệ nguồn lợi hải sản, giúp cho ngư dân phát huy vai trò và đóng góp trực tiếp vào công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển.

Một số mô hình ngư dân tham gia quản lý, bảo vệ môi trường biển rất thành công như mô hình đồng quản lý ở khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm đã đạt được sự thành công lớn với sự tham gia tích cực của ngư dân. Ở các địa phương khác cũng thành lập hoặc xây dựng các mô hình kết hợp các ngư dân thành các tổ, đội ngư dân vừa đánh cá vừa tham gia bảo vệ môi trường biển, đảo như tỉnh Bình Định đã thành lập 242 tổ, đội cộng đồng khai thác thủy sản trên biển trên tổng số 814 chiếc, chủ yếu là tàu khai thác, đánh cá ngư đại dương, câu mực (Đông Sơn, 2013); mô hình tổ cộng đồng bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ ở quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Sài Gòn giải phóng, 2020).

Ghi nhận vai trò của cộng đồng nói chung và cộng đồng ngư dân trong bảo vệ môi trường, trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, lần đầu tiên cộng đồng cư dân cũng được quy định là một chủ thể quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường; tăng cường thông tin, tham vấn, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, bên cạnh một số thành công trong huy động, phát huy vai trò của ngư dân trong quản lý, bảo vệ môi trường biển, một bộ phận không nhỏ ngư dân vẫn vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn lợi hải sản, chưa có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường biển, chưa tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường biển.

Trong bối cảnh các vấn đề ô nhiễm môi trường biển, suy giảm nguồn lợi hải sản vẫn đang ngày càng nghiêm trọng thì các nguy cơ an ninh phi truyền thống liên quan tới vấn đề này ngày càng tăng. Do đó, vai trò của ngư dân trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, kiểm soát ô nhiễm, khôi phục hệ sinh thái biển (khôi phục các rạn san hô, rừng ngập mặn ven biển) sẽ càng trở nên quan trọng hơn. Nếu không khuyến khích, thu hút và phát huy được vai trò của ngư dân trong khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, cũng như tham gia một cách chủ động và tích cực hơn trong công tác quản lý thì môi trường, tài nguyên biển ngày càng cạn kiệt nhanh hơn nữa và kéo theo hàng loạt các vấn đề an ninh phi truyền thống khác (an ninh sinh kế của ngư dân, thiếu việc làm, tăng đói nghèo). Chẳng hạn như các sự cố tràn dầu trên biển, nếu được phát hiện kịp thời sẽ giảm thiểu rủi ro cho môi trường biển, nhưng nếu không xử lý kịp thời sẽ gây hậu quả nghiêm trọng, tiếp đến sẽ tác động trực tiếp đến ngư dân.

4.2.3. Thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu đã và đang trở thành một trong các thách thức và nguy cơ đối với vấn đề an ninh phi truyền thống trên vùng biển nước ta. Theo kết quả nghiên cứu gần đây, biến đổi khí hậu đã làm gia tăng số lượng và cường độ của các cơn bão nhiệt đới có sức tàn phá lớn. Khi các cơn bão lớn đổ bộ vào vùng biển của Việt Nam có thể tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động đánh bắt hải sản của ngư dân trên biển, gây thiệt hại về người và tàu thuyền hoặc làm gián đoạn hoạt động đánh bắt. Tất cả các tác động nêu trên có thể dẫn tới vấn đề an ninh con người, an ninh lương thực và dinh dưỡng của quốc gia, gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu thủy sản...

Kết quả nghiên cứu về tác động của biến đổi đến cộng đồng dân cư sinh sống ven biển ở Tp. Đà Nẵng cho thấy, biến đổi khí hậu làm cho các cơn bão nhiệt đới trên Biển Đông gia tăng cường độ, mức độ tàn phá và tác động trực tiếp, gián tiếp đến cộng đồng ngư dân như (đe dọa tính mạng, gây thương tích, tác động đến sinh kế - hỏng hóc tàu thuyền, giảm nhân công lao động, phải nghỉ nhiều ngày hơn do bão). Theo số liệu thống kê của Tp. Đà Nẵng, số tàu thuyền bị chìm do bị ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề của 4 cơn bão lớn Chan Chu (2006), Sangsane (2006), Ketsana (9/2009), Nari (2013) làm chìm 64 chiếc tàu, hư hỏng 175 chiếc tàu, mắc cạn 98 chiếc. Trong đó, chỉ tính riêng cơn bão Chan Chu năm 2006 đã làm 74 ngư dân Đà Nẵng thiệt hại trên biển. Kết quả đánh giá mức độ dễ bị tổn thương cho thấy nhóm ngư dân có mức độ tổn thương cao hơn các nhóm dân cư khác (Lê Văn Hà, 2014). Từ năm 2014 đến nay, nhờ công tác tuyên truyền và sự tham gia tích cực của ngư dân, mức độ thiệt hại về người và tài sản của ngư dân trên biển đã giảm đáng kể. Cộng đồng ngư dân đã được trang bị kiến thức về biến đổi khí hậu, tham gia tích cực vào quá trình chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu trên biển. Do đó, có thể khẳng định, ngư dân đã đóng vai trò quan trọng trong chiến lược thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, trước hết là tham gia thích ứng với biến đổi khí hậu như giảm khai thác hải sản quá mức, đa dạng hoá hoạt động sinh kế,... để giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đến chính gia đình và cộng đồng ngư dân. Ngư dân cũng tham gia trực tiếp vào công tác khôi phục lại hệ sinh thái rừng và sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng hóa thạch, hoặc chuyển đổi sang các dạng năng lượng khác để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, thông qua đó giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Với kinh nghiệm và tri thức kinh nghiệm về biển cả cộng với sự tham gia chủ động tích cực vào chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trên biển, cộng đồng ngư dân có thể đóng một vai trò quan trọng trong nâng cao khả năng thích ứng và giảm thiểu các nguy cơ an ninh phi truyền thống trên biển. Ngược lại, nếu ngư dân không nhận thức và không phát huy hết vai trò của mình, nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống đáng ra được ngăn chặn, hoặc hạn chế được rủi ro nhưng do ngư dân không thông báo lại cho các cơ quan chức năng dẫn tới hậu quả nghiêm trọng.

4.2.4. Tham gia công tác giám sát, chống đánh bắt cá trái phép, ngăn chặn sự xâm nhập trái phép trên biển

Trong các tiếp cận nghiên cứu an ninh phi truyền thống ở phương Tây, các học giả thường nhấn mạnh các tác nhân phi nhà nước (các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp) trong việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống bên cạnh các cơ quan của chính phủ. Tuy nhiên trong điều kiện Việt Nam, ngư dân là lực lượng đóng vai trò bổ sung quan trọng. Ngư dân vừa là người lao động đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế, an ninh lương thực và dinh dưỡng, nhưng đồng thời có thể là lực lượng bổ sung, cảnh giới, phát hiện, thông báo cho các cơ quan chức năng về tình hình trên biển và tham gia tìm kiếm cứu nạn, góp phần ngăn chặn sự xâm nhập trái pháp luật của tàu, thuyền nước ngoài trong vùng biển của Tổ quốc.

Ngư dân, với số lượng đông đảo, hoạt động trên không gian rộng lớn trên vùng biển Việt Nam nên khi có tình huống phức tạp xảy ra, ngư dân là lực lượng hỗ trợ, phối hợp cùng các lực lượng chuyên trách (cảnh sát biển, kiểm ngư, bộ đội biên phòng, hải quân) đấu tranh tại thực địa vừa để bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên biển, vừa hỗ trợ giải quyết, ngăn ngừa các vấn đề an ninh truyền thống trên biển. Trong thời gian vừa qua, ngư dân đã tham gia tích cực vào công tác giám sát, chống và không tham gia đánh bắt cá trái phép, tham gia cứu hộ, cứu nạn và ngăn chặn sự xâm nhập bất hợp pháp của các đối tượng vào Việt Nam bằng đường biển. Sự đóng góp, tham gia của ngư dân đã góp phần giảm bớt các nguy cơ an ninh phi truyền thống trên biển, góp phần vào thành công ngăn chặn đại dịch Covid-19 và giảm bớt số vụ đánh bắt cá bất hợp pháp trên cả vùng biển Việt Nam và nước ngoài.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không tuân theo quy định (IUU) ở một số địa phương (điển hình ở tỉnh Khánh Hòa) cho thấy, mức độ hiểu biết của ngư dân về vấn đề khai thác trái phép và khai thác không báo cáo còn rất thấp (6,45%), 100% tàu thuyền đánh bắt vi phạm vùng đánh bắt và thời gian khai thác, nhiều ngư dân cảm thấy ngư trường đánh bắt bị thu hẹp và thủ tục đánh bắt rườm rà (Tô Văn Phương, Võ Thị Ngọc Huyền, 2019). Kết quả là, Ủy ban châu Âu (EC) đã rút thẻ vàng cảnh báo đối với sản phẩm khai thác của Việt Nam chưa tuân thủ các quy định về chống khai thác IUU. Nhưng đến nay, việc gỡ thẻ vàng rất khó khăn vì người dân vẫn chưa chấp hành tốt các quy định theo các khuyến cáo của EC. Mặc dù, hệ quả của việc EC cảnh báo tác động trực tiếp đến thu nhập và sinh kế của ngư dân.

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng, cộng đồng ngư dân Việt Nam có vị trí, vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển như đảm bảo an ninh lương thực, dinh dưỡng và an ninh sinh kế; tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển, kiểm soát ô nhiễm, khôi phục hệ sinh thái biển và khôi phục nguồn lợi hải sản; thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; giám sát, chống đánh bắt cá trái phép, ngăn chặn sự xâm nhập trái phép trên biển. Vai trò của ngư dân đã và đang được phát huy tương đối tốt để giảm thiểu các nguy cơ, rủi ro an ninh phi truyền thống trên biển. Tuy nhiên, vai trò của ngư dân ở nhiều địa phương vẫn chưa phát huy hiệu quả. Ngư dân ở nhiều địa phương vẫn tham gia khai thác trái phép, khai thác không khai báo, chưa tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường biển, phục hồi nguồn lợi hải sản. Kết quả là, nguồn hải sản ngày càng suy giảm cả về số lượng và chất lượng. Có nhiều nguyên nhân của thực trạng nói trên, nhưng một trong những nguyên nhân cơ bản là sự hiểu biết của ngư dân về vấn đề an ninh phi truyền thống vẫn còn hạn hẹp, trang thiết bị đánh bắt còn lạc hậu so với yêu cầu mới, sức ép về thu nhập và sinh kế của gia đình; chưa có mô hình phù hợp để thu hút sự tham gia của ngư dân hoặc các mô hình chưa phù hợp với từng nhóm ngư dân.

Do đó, để phát huy hơn nữa vai trò của ngư dân đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống biển cần thực thi tốt các biện pháp:

Thứ nhất, cần tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của ngư dân đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển và tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách để có chế độ bảo vệ ngư dân trong quá trình hoạt động sản xuất trên biển, tạo điều kiện để ngư dân yên tâm bám biển và phát huy hơn vai trò, vị trí trong phòng ngừa, giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Thứ hai, tiếp tục tuyên truyền, giáo dục và nâng cao hơn nhận thức, hiểu biết và tập huấn cho ngư dân về nội dung, vai trò an ninh phi truyền thống trên biển với an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp của an ninh phi truyền thống tới cuộc sống của ngư dân. Đồng thời, phân tích, chỉ rõ vai trò của ngư dân trong phòng ngừa và ứng phó với vấn đề này.

Thứ ba, tiếp tục có chính sách đầu tư, đào tạo nâng cao trình độ và trang thiết bị đánh bắt, trang thiết bị thông tin liên lạc cho ngư dân để họ có thể ra khơi bám biển và nắm bắt được nhiều thông tin hơn nữa, tham gia vào ngăn ngừa và đẩy lùi các nguy cơ an ninh phi truyền thống trên biển.

Thứ tư, mở rộng các mô hình đồng quản lý tài nguyên biển để ngư dân chủ động tham gia vào bảo vệ biển, khôi phục nguồn lợi hải sản và đưa ra biện pháp bảo vệ hữu hiệu nguồn lợi hải sản của mình. Đây cũng chính là hình thức nâng cao vai trò của ngư dân trong kiểm tra, giám sát, chống đánh bắt cá huỷ diệt và trái phép.

Thứ năm, cần có biện pháp, các chế tài và cơ chế thưởng, nêu gương đối với các ngư dân tham gia thực hiện tốt đối với vấn đề an ninh phi truyền thống và phạt nặng đối ngư dân vi phạm quy định liên quan tới các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển.

Thứ sáu, cần có nghiên cứu chuyên sâu hơn về ngư dân và vai trò của ngư dân đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống, để từ đó có những chính sách phù hợp hơn đối với từng cộng đồng ngư dân cũng như có những mô hình, hình thức phù hợp để ngư dân tham gia vào giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trên biển.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cương (2008), “Tác động của nhân tố an ninh phi truyền thống đối với văn hóa và con người ở một số quốc gia Đông Á”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 9.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Lê Văn Hà (2013), “Nghiên cứu, đánh giá mức độ tổn thương của cư dân ven biển thành phố Đà Nẵng trước tác động của biến đổi khí hậu”, Báo cáo kết quả đề tài cấp cơ sở năm 2014, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.
4. Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2020), *Nâng cao thu nhập cho cộng đồng ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng duyên hải Nam Trung Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Chu Hồi (2014), “Ngư dân Việt Nam siết chặt lại đội ngũ, quyết tâm bám biển”, Tạp chí *Thông tin Đối ngoại*, số 76.
6. Hồng Lâm, Văn Bảy, Hoàng Trường (2014), “Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*.
7. Tô Văn Phương, Võ Thị Ngọc Huyền (2019), “Thực trạng triển khai quy định về chống đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại tỉnh Khánh Hòa”, Tạp chí *Khoa học - Công nghệ Thủy sản*, số 2.
8. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh (2011), “Truyền thống văn hóa biển cận duyên của người Việt”, Tạp chí *Văn hóa Văn nghệ*, số 317.
10. Viện Nghiên cứu Hải sản (2018), *Báo cáo kết quả điều tra nguồn lợi hải sản Việt Nam, giai đoạn 2011-2015*.
11. Võ Xuân Vinh và cộng sự (2020), *Hợp tác an ninh phi truyền thống trên biển Đông Nam Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Caballero-Anthony, M. and Putra, N.A. (2012), *Energy and Non-Traditional Security (NTS) in Asia*, Springer Heidelberg, New York Dordrecht London.
13. Madanayaka, S.A.K. (2015), “Illegal Fishing Issue as a Non-traditional Security Threat to Sri Lanka”, *Proceedings of 8th International Research Conference*, KDU.
14. Naval, J.B (2015), “Non-Traditional Security at Seas”, In *The Future of the seas in East Asia*, Centre for Strategic and International Studies.
15. Báo quốc tế (2016), *Bảo vệ công dân trong thế giới phẳng*, <http://baoquocte.vn/bao-ho-cong-dan-trong-the-gioi-phang-34821.html>, truy cập ngày 20/5/2021.
16. Kinh tế nông thôn (2019), *Nhiều quốc gia đau đầu về vấn đề rác thải nhựa đại dương*, <https://kinhtenongthon.vn/nhieu-quoc-gia-dau-dau-vi-van-de-rac-thai-nhua-dai-duong-post25649.html>, truy cập ngày 20/5/2021
17. Sài Gòn giải phóng (2020), *Bảo vệ môi trường biển từ mô hình “Tổ bảo vệ cộng đồng”* <https://www.sggp.org.vn/bao-ve-moi-truong-bien-tu-mo-hinh-to-bao-ve-cong-dong-669440.html>, truy cập ngày 20/5/2021.
18. Đông Sơn (2013), “Mô hình tổ cộng đồng khai thác thủy sản trên biển của ngư dân Bình Định”, <http://tuyengiao.vn/bien-va-hai-dao-viet-nam/mo-hinh-to-cong-dong-khai-thac-thuy-san-tren-bien-cua-ngu-dan-binh-dinh-51552>, truy cập ngày 20/5/2021
19. Thời báo tài chính Việt Nam (2021), *Tổng sản lượng thủy sản của Việt Nam đạt 9,8 triệu tấn vào năm 2030*, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2021-01-04/tong-san-luong-thuy-san-cua-viet-nam-se-dat-98-trieu-tan-vao-nam-2030-97814.aspx>, truy cập ngày 20/5/2021
20. Tổng cục Thống kê (2017), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*. http://tdtntnnts2016.gso.gov.vn/KhaiThac_Macro.aspx, truy cập ngày 20/1/2021.
21. FAO (2020), “Report of The State of World Fisheries and Aquaculture 2020: Sustainability in Action”, Rome, Italia. <http://www.fao.org/documents/card/en/c/ca9229en/>, truy cập ngày 15/1/2021.
22. Menasveta, D. (2000), “The Sustainable Contribution of Fisheries to Food Security in Southeast Asia”, In: *Sustainable contribution of fisheries to food security. Asia-Pacific Fishery Commission*, FAO. <http://www.fao.org/3/x6956e/x6956e00.htm#TopOfPage>, truy cập ngày 25/1/2021.

